CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THANH CHƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 106/CBNL/QN	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động trạm thí nghiệm hiện trường thành phố Quảng Ninh)	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

(Thay đổi bổ sung lần thứ 01)

Kính gửi:

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG NINH
ĐẾN Số:.....
Ngày: 03/11/2026
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

- Sở Xây dựng thành phố Quảng Ninh;

- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Công ty cổ phần xây dựng Thanh Chương công bố, công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm, kiểm định chuyên ngành xây dựng:

1. Tên tổ chức công bố hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: **Công ty cổ phần xây dựng Thanh Chương**.
   - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp số 0106763717 do Sở tài chính Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/1/2015, cấp lại lần thứ 4 ngày 25/4/2025;
   - Địa chỉ: Xóm Lai, thôn Phù Dực 1, xã Phù Đổng, Thành phố Hà Nội;
   - Điện thoại: 0939688669
   - Emai: *thanhchuong.sjc@gmail.com*
   - Website: *https://kdxdthanhchuong.vn*
2. Thông tin phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm và kiểm định xây dựng công trình**
   - Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Xóm Lai, thôn Phù Dực 1, xã Phù Đổng, Thành phố Hà Nội;
   - Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm: Số nhà 390, khu Đoàn Kết, phường Hiệp Hòa, thành phố Quảng Ninh.
   - Trưởng phòng thí nghiệm: **Trần Công Tú**
   - Công bố có hiệu lực từ ngày ký và thay thế công bố số 06/CBNLQN/TC ngày 04/5/2026.

2.1. Tên chỉ tiêu thí nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
I	**XI MĂNG**			
1	Thí nghiệm xác định độ mịn, khối lượng riêng xi măng	TCVN 13605:2023, ASTM C188-17, C204-18, C430, AASHTO T133, T153, T192	Sàng 0,045 mm, cân kỹ thuật 0,01g, tủ sấy, bình Le chatelier, bể ổn nhiệt, dầu hoả	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng
2	Thí nghiệm xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015, TCVN 9488:2012, ASTM C187, C191, C66, AASHTO T129, T131	Dụng cụ vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật 0.01g, ống đong có vạch chia hoặc buret, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây, thùng luộc cát, máy trộn mẫu, khuôn Lơ Satơlie	
3	Thí nghiệm xác định độ bền nén, độ bền uốn	TCVN 6016:2011, TCVN 9488:2012, TCVN 3736:1982, ASTM C109/C109M, ASTM C348-14, ASTM C349-14, AASHTO T106	Máy trộn, khuôn 40x40x160mm, máy dằn, máy thử độ bền uốn (10kN±1%), máy thử độ bền nén, gá định vị, tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm	

II	**CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**			
1	Thí nghiệm xác định thành phần cỡ hạt, xác định hàm lượng hạt có kích thước nhỏ hơn 0.075, cát nghiền	TCVN 7572-2:2006, TCVN 9205:2012, TCVN 14135-4,5:24, ASTM 3148, C136/136M-14, AASTHO T11-05, T27-18, T37-16	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân điện tử, tủ sấy	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng
2	Thí nghiệm xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước của cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-4:2006, ASTM C127, C128, AASTHO T84-04	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, tủ sấy, bình dung tích, thùng ngâm mẫu, côn thử cốt liệu, đường kính nhỏ 40 mm, đường kính lớn 90 mm, chiều cao 75 mm, phễu, que chọc, sàng có kích thước mắt sàng 5 mm và 0,140 mm	
3	Thí nghiệm xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006, TCVN 8735:2012, ASTM C127, AASTHO T85-14	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, cân thủy tĩnh chính xác 1%, và có giỏ đựng mẫu, thước kẹp, tủ sấy 105±5°C	
4	Thí nghiệm xác định khối lượng thể tích xốp và độ hỗng	TCVN 7572-6:2006 ASTM C29/C29M-17a, AASTHO T19/T19M18	Thùng đong, cân kỹ thuật chính xác 0,01g, phễu chứa vật liệu, tủ sấy, thước lá kim loại	
5	Thí nghiệm xác định định	TCVN 7572-7:06, ASTM C566-19,	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g,	

	độ ẩm	AASHTO T255-00, BS EN 1097-20	tủ sấy, dụng cụ đảo mẫu	
6	Thí nghiệm xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu	TCVN 7572-8:06, TCVN 9205-8:2012, ASTM C87-05, ASTM C117-17, ASTM C142/C142M-17, AASTHO T11-05, T112-00, T171	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây, tấm kính, que hoặc kim sắt nhỏ	
7	Thí nghiệm xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06, ASTM C40/C40M-16, AASTHO T21-05	Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, cân phân tích chính xác 0,001g, bếp cách thủy, sàng có kích thước lỗ 20 mm, thang màu để so sánh, hóa chất	
8	Thí nghiệm xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06, ASTM C170:06, ASTM D2938:02, ASTM D5731-16	Máy nén thủy lực, máy khoan và máy cưa đá, máy mài nước, thước kẹp, thùng ngâm mẫu	
9	Thí nghiệm xác định độ nén dập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06, ASTM C33	Cân, sàng tiêu chuẩn - Máy nén 2000kN Bộ khuôn nén dập D150 và D75	
10	Thí nghiệm xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12: 06, ASTM C131/C131M14, ASTM C535-16, AASHTO T96-06, AASHTO T327-09	Máy Los Angeles, cân kỹ thuật chính xác 0,01g, bộ sàng, tủ sấy	

11	Thí nghiệm xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06, ASTM D4791-10, AASHTO T335	Cân điện tử, bộ sàng tiêu chuẩn Thước kẹp, tủ sấy	
12	Thí nghiệm xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:06, AASTHO T112-00	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt và kim nhôm, búa con	
13	Thí nghiệm xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06, ASTM D5821	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, kính lúp	
15	Thí nghiệm xác định hàm lượng mica	TCVN7572-20:2006	Cân kỹ thuật, giấy nhám	
16	Thí nghiệm xác định chỉ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-95, AASTHO T176-02	Thiết bị đo hệ số đương lượng ES	
17	Độ góc cạnh của cốt liệu ở trạng thái rời	TCVN 11807:2017 AASHTO T304-17, AASHTO T326	Ống đong tiêu chuẩn	
18	Thí nghiệm xác định độ bền nén của đá	TCVN 10324:2014	Máy nén thủy lực, bộ khuôn gá, thước kẹp, thùng ngâm mẫu và các dụng cụ khác	
III	**BENTONITE**			
1	Vật liệu Bentonite: Xác định khối lượng riêng Xác định độ ổn định, Xác định độ nhớt phễu Marsh Xác định độ PH, Xác định hàm lượng cát Xác định tỷ lệ keo	TCVN 11893:2017	Cân tỉ trọng, ống đong 1000ml, phễu marsh, phễu côn, cốc có chia vạch 946 ml, đồng hồ bấm giờ, nhiệt kế	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng

IV	**HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**			
1	Thiết kế thành phần cấp phối	778/1998/QĐ-BXD TCVN 10306:2014	Máy trộn, máy đầm rung, dụng cụ đo độ sụt, cân kỹ thuật, khuôn đúc mẫu, thùng bảo dưỡng	
2	Thí nghiệm xác định độ sụt, độ xòe	TCVN 3106, 3107:2022, TCVN 12209:2018 AASHTO T119, ASTM C143/C143M	Bộ côn thử độ sụt, đồng hồ đo thời gian, thước đo	
3	Thí nghiệm xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy	
4	Thí nghiệm xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022 ASTM C138, ASTM C642, AASHTO T121	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, thước đo (vạch chia 1mm), tủ sấy 105±5°C, Bình hút ẩm	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng
5	Thí nghiệm xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022 ASTM C403	Máy thử độ chống thấm, Khuôn đúc mẫu hình trụ 15x15cm	
6	Thí nghiệm xác định cường độ nén	TCVN 3118:2022, ASTM C39, C42, C78, C1231, C1399, C1550, C1069/1069M AASHTO T22, T42, T140	Máy nén, thước đo vạch chia 1mm), thước góc, đồng hồ đo thời gian có khả năng đọc đên 1s	
7	Thí nghiệm xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:2022, ASTM C78, ASTM C293, AASHTO T97, T117	Máy nén thủy lực 300kN, bộ gá uốn	

8	Thí nghiệm xác định cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120:2022, ASTM C496, AASHTO T198	Máy nén thủy lực, bộ gá ép chẻ	
9	Thí nghiệm xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020, ASTM C42-1990	Máy khoan lấy mẫu , máy nén thủy lực, thước kẹp	
10	Thí nghiệm xác định độ tách nước và tách vữa	TCVN 2109:2022, ASTM C232, AASHTO T158	Khuôn thép, bàn rung, thanh đầm, cân, sàng, tủ sấy, thùng kim loại, ông đong, giấy thấm	
11	Thí nghiệm xác định nhiệt độ	TCVN 9340:2012, ASTM C1064, AASHTO T309	Nhiệt kế	
V	**VỮA XÂY DỰNG**			
1	Thí nghiệm xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1 :2022	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng
2	Thí nghiệm xác định khối lượng thể tích, độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-6 :2022	Cân kỹ thuật, thùng đong, bàn dằn, khâu hình côn thước	
3	Thí nghiệm xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, tủ sấy, thước kẹp	
4	Thí nghiệm xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022, ASTM C109, ASTM C348, ASTM C349, ASTM C942	Máy nén và bộ gá uốn	
5	Thí nghiệm xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	

6	Vữa chèn cáp dự ứng lực: Xác định độ chảy, độ tách nước, thời gian đông kết, cường độ nén	TCVN 11971:2018 TCVN 3121:2022	Sàng, ống đong, nhớt kế, máy nén	
7	Thiết kế cấp phối vữa	TCVN 4459:1987	Máy trộn, bàn dằn, cân, khuôn đúc mẫu	
VI	**KIM LOẠI VÀ SẢN PHẨM KIM LOẠI**			
1	Kiểm tra các đặc trưng hình học của gân thép, xác định dung sai trọng lượng thép	TCVN 7937-1:2013 ISO 15630-1:2010, TCVN 1651-2, TCVN 6283-4, TCVN 7571-15	Thước đo	
2	Thử kéo xác đinh giới hạn chảy, giới hạn bền, độ giãn dài tương đối	TCVN 314:2008, TCVN 197:2014, TCVN 6288:1997, TCVN 7937:2013, AASHTO T68, T244, ASTM A370, A615, A1061M, B557, E8, E111, E328	Máy kéo, uốn vạn năng, các dụng cụ chuyên dùng	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng
3	Thử uốn	TCVN 198:2008, TCVN 6288:1997 TCVN 7937:2013, AASHTO T244, ASTM A370, A615, E290, JIS Z2248	Máy kéo, uốn vạn năng, các dụng cụ chuyên dùng	
4	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn, va đập	TCVN 5401:2010 TCVN 5402:2010	Máy kéo, uốn vạn năng, các dụng cụ chuyên dùng	
5	Ống kim loại: thử nén bẹp ống	TCVN 1830:2008	Máy nén thủy lực 2000kN, thước đo	
6	Thí nghiệm kéo bu long, đai ốc, vít	CVN 10865-1:2015 TCVN 1916:1995	Máy kéo, uốn vạn năng	

7	Cốt thép phương pháp thử uốn và uốn lại	TCVN 6287-2:1997	Máy kéo, uốn vạn năng	
8	Thép cốt bê tông - mối nối bằng ống ren, xác định cường độ kéo ren cupner	TCVN 8163:2009 TCVN 13711-1:2023	Máy kéo, uốn vạn năng, các dụng cụ chuyên dùng	
9	Lưới thép hàn: Kiểm tra kích thước đường kính dây giới hạn chảy, giới hạn bền, độ giãn dài tương đối	TCVN 9391:2012 TCVN 6288:1997 TCVN 197:2014	Máy kéo nén đa năng, thước kẹp	
10	Xác định lớp phủ kẽm nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép	TCVN 5408:2007 TCVN 7665:2007 TCVN 5878:2007	Máy đo chiều dày mạ	
VII	**ĐẤT, CÁT ĐẮP, XI MĂNG ĐẤT**			
1	Thí nghiệm xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012	Bình tỷ tọng, cân kỹ thuật…	
2	Thí nghiệm xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012, ASTM D2216	Cân kỹ thuật, bếp, khay đựng mẫu	
3	Thí nghiệm xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012, AASTHO T89, T90	Bộ thiết bị thí nghiệm chảy dẻo	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng
4	Thí nghiệm xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014, ASTM C136; AASTHO T27	Cân, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn	
5	Thí nghiệm xác định độ bền nén một trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D 2166; AASHTO T208 BS 1377:90	Máy nén, máy cắt	
6	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012, TCVN 12790:2020 AASHTO T99-18, AASHTO T180-18	Chày cối đầm mẫu, cân kỹ thuật, tủ sấy	
7	Thí nghiệm xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012, AASHTO T204	Cân và 1 số dụng cụ cần thiết khác	

8	Thí nghiệm xác hệ số thấm	TCVN 8723:2012, AASHTO -T49, ASTM D2434	Bộ thiết bị thấm, hệ thống cấp nước, cột nước không đổi hoặc cột nước thay đổi và ống đo áp.	
9	Thí nghiệm xác định chỉ số CBR, độ trương nở trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020, AASHTO T193-13	Máy nén CBR, khuôn CBR, gá, đồng hồ thiên phân	
10	Thí nghiệm xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 8726:2012, AASHTO T267	Lò nung, bình hút ẩm, cân điện tử, các dụng cụ thí nghiệm	
11	Thí nghiệm xác định hàm lượng muối trong đất	TCVN 8727:2012, TCVN 7572-15:2006, BS 1377	Máy đo độ dẫn điện, hệ thống lọc hút chân không, tủ sấy, cân điện tử và bộ dụng cụ phân tích chuẩn độ	
12	Thí nghiệm xác định hệ số đương lượng (ES)	AASHTO T176, ASTM D2419/D2419-22, EN 933-8	Bộ dụng cụ test đương lượng cát, hộp đong, sàng 4,75mm, phễu, Chảo	
13	Thí nghiệm xác định hàm lượng bụi, bùn, sét	TCVN 7572-8:2006	Tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây	
14	Thí nghiệm xác định khối lượng thể tích xốp	TCVN 7572-6:2006, ASTM C29/C29M-23	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, phễu, sàng tiêu chuẩn, thước lá kim loại, thanh gỗ thăng, nhẵn, thùng đong, tủ sây	

15	Thí nghiệm xác định khối lượng thể tích của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012	Phễu và thùng đong	
VIII	**CẤP PHỐI ĐÁ DĂM, CẤP PHỐI ĐÁ DĂM GIA CỐ XI MĂNG**			
1	Thí nghiệm xác định cường độ nén đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén thủy lực, máy khoan, máy mài nước, thước kẹp, thùng ngâm mẫu	
2	Thành phần hạt	AASTHO T27, T88, T11	Cân, bộ sàng tiêu chuẩn	
3	Thí nghiệm khối lượng riêng	TCVN 4195:2012, ASTM D854, AASHTO T100	Bình tỷ tọng, cân kỹ thuật…	
4	Thí nghiệm độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	Cân kỹ thuật, bếp, khay đựng mẫu	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng
5	Thí nghiệm giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012, ASTM D423, D42, D4318, AASTHO T89, T90	Bộ thiết bị thí nghiệm chảy dẻo	
6	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 12790:2020 AASHTO T99-18, AASHTO T180-18	Chày cối đầm mẫu, Cân kỹ thuật, tủ sấy	
7	Thí nghiệm chỉ số CBR, độ trương nở trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020, ASTM D1883-16, D3668, AASHTO T193-13	Máy nén CBR, khuôn CBR, gá, đồng hồ thiên phân	
8	Thí nghiệm độ hao mài mòn (Los Angeles)	TCVN 7572-12: 06, AASHTO T96-06, AASHTO T327-09	Cân điện tử, sàng tiêu chuẩn, máy mày mòn Los Angeles	
9	Thí nghiệm hàm lượng hạt thoi dẹt	TCVN 7572-13:06, ASTM D4791-10, AASHTO T335	Cân điện tử, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp, tủ sấy	

10	Thí nghiệm cường độ nén	TCVN 8858:2023	Máy nén, bể ngâm	
11	Thí nghiệm cường độ chịu kéo khi ép chẻ	TCVN 8862:2011, AASHTO T22	Máy nén, gá ép chẻ	
XIX	**BI TUM - NHỰA ĐƯỜNG, NHŨ TƯƠNG**			
1	Thí nghiệm xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005, ASTM D5/D5M-20, AASHTO T4	Máy đo độ kim lún, cốc đựng mẫu, bể điều nhiệt, chén trung chuyển, thiết bị bấm giờ, nhiệt kế	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng
2	Thí nghiệm xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005, ASTM D113-17, AASTHO T51	Khuôn đúc mẫu, Bể ổn nhiệt, Nhiệt kế để kiểm soát nhiệt độ nước	
3	Thí nghiệm xác định điểm hoá mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005, ASTM D36-00, AASTHO T53	Máy đo nhiệt độ hóa mềm Các loại hóa chất cần thiết	
4	Thí nghiệm xác định điểm chớp cháy	TCVN 7498:2005, TCVN 8818-2 :2011, ASTM D92-24, AASHTO T48	Thiết bị cốc hở, thiết bị đo nhiệt độ	
5	Thí nghiệm xác định tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt (nung)	TCVN 7499:2005, TCVN 11711:2017 ASTM D6-00, ASTM D1754, ASTM D2872, AASTHO T47, T179, T240, IP45	Tủ sấy gia nhiệt, giá quay, nhiệt kế, cốc đựng mẫu, cân	
6	Thí nghiệm xác định lượng hòa tan trong ricloetylen	TCVN 7500:2005, ASTM D2042-25, AASHTO T44	Khuôn lọc Gooch bằng sứ tráng men, bình Erlenmeyer, tủ sấy	

7	Thí nghiệm xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005, ASTM D70/D70M-21, AASHTO T288	Bình đo tỷ trọng, bể ổn nhiệt, Nhiệt kế, cân phân , cốc thủy tinh	
8	Thí nghiệm xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005, AASHTO T182	Bếp đun, bình ngâm mẫu bằng thủy tỉnh,	
9	Thí nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011, ASTM D3143, AASHTO T79	Thiết bị đo điểm chớp cháy	
10	Thí nghiệm xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011, ASTM D95, AASHTO T55	Bình thủy tinh có dung tích 500 ml, 1000 ml hoặc 2000 ml, Bếp ga, Bếp điện, Ống ngưng, ống hứng, dung môi	
11	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011, ASTM D402	Bình thủy tinh có dung tích 500 ml, Bếp ga, Bếp điện, ống ngưng	
12	Thí nghiệm xác định hàm lượng bám dính tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011	Khay đựng mẫu, cân điện tử	
X	**BỘT KHOÁNG CHO BÊ TÔNG NHỰA**			
1	Thí nghiệm xác định khối lượng riêng	TCVN 8735:2012	Bình tỷ trọng,Cân thí nghiệm, Tủ sấy thường, Bình hút ẩm	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng
2	Thí nghiệm xác đinh thành phần hạt	TCVN l 2884-2:2020	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy	
3	Thí nghiệm xác định độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2.2020	Cân, tủ sấy, bình hút ẩm, ống đong thủy tinh, bình hút ẩm, đồng hồ	

			bấm giây	
4	Thí nghiệm xác định chỉ số dẻo	TCVN 4l97:2012	Tấm kính nhám, cân, tủ sấy	
5	Thí nghiệm xác định hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	Ống đong thủy tinh, cân, bình hút ẩm, đồng hồ bấm giây	
XI	**VẬT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG NHỰA**			
1	Thí nghiệm xác định thành phần hat	AASHTO T27: TCVN 1 2884-2:2020	Bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, cân kỹ thuật	
2	Thí nghiệm xác định tỷ trọng khối, độ hút nước	AASHTO T84, AASHTO T85:2022	Cân kỹ thuật, Dụng cụ chứa mẫu dung tích giỏ thường từ 4 đến 7 Lít, Bể nước, Tủ sấy, Rây 4,75 mm, Khăn lau thẩm nước	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng
3	Thí nghiệm xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0,075mm	AASHTO T11	Cân, sàng, tủ sấy	
4	Thí nghiệm xác định độ hao mòn Los Angeles	TCVN 7572-1 2:2006, EN 1997-2	Mòy Los Angeles, cân, sàng 1.7mm, tủ sấy	
5	Thí nghiệm xác định hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu	TCVN 7572:2006, AASHTO T112	Cân, sàng, tủ sấy	
6	Thí nghiệm xác định hàm hàm lượng hạt bị vỡ đập	TCVN 7572-18:2006	Cân, tủ sấy kính lúp, thước kẹp	
7	Thí nghiệm xác định hàm lượng hạt thoi dẹt	TCVN 7572-13:2006	Sàng tiêu chuẩn, thước kẹp, cân	
8	Thí nghiệm xác định cường	TCVN 7572-	Máy nén, máy	

	độ nén đá gốc	10:2006	khoan, thước kẹp	
9	Thí nghiệm xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017: ASSTHO T326	Thùng đong, cân, tủ sấy, sàng	
10	Thí nghiệm xác định độ dính bám với nhựa đường	TCVN 7504:2005	Tủ sấy, giá treo, đồng hồ, nhiệt kế	
11	Thí nghiệm xác định môdun độ lớn	AASHTO T27	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy	
12	Thí nghiệm xác định độ góc cạnh của cốt liệu nhỏ	TCVN 8860-7:2011, AASHTO T304:22	Thùng đong, cân, tủ sấy, sàng	
13	Thí nghiệm xác định đương lượng cát (ES)	AASHTO T176	Cân, đồng hồ, tủ sấy, ống nhựa chia vạch, máy lắc đương lượng cát	
14	Thí nghiệm xác định lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006: AASHTO T21 AASHTO T21:2020: ASTM D2974/D2974-25	Ông đong thủy tinh, bảng màu, tủ sây, cân, hóa chất	
15	Thí nghiệm xác định hàm lượng chung bụi, bùn, sét	TCVN 7572-18:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng rửa, sàng có kích thước lỗ 0,075 mm, thước đo có vạch chia đến 1 mm	
XII	**BÊ TÔNG NHỰA**			
1	Thí nghiệm Marshall xác định độ ổn định, độ dẻo, độ cứng quy ước	TCVN 8860-1:2011, ASTM D1559, D6926, D6927, ASHTO T245, T283	Máy nén Marshall, bể ổn nhiệt	Lữ Văn Phong;
2	Thí nghiệm xác định hàm	TCVN 8860-	Máy chiết nhựa,	

	lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	2:2011, ASTM D2172, AASHTO T164	cân, tủ sấy	Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng
3	Thí nghiệm xác định hàm lượng nhựa trong hỗn hợp bê tông nhựa bằng phương pháp đốt	AASTHO T53-11	Lò nung, khay đựng mẫu	
4	Thí nghiệm xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011, ASTM C136, AASTHO T27, T30, T172	Bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, cân điện tử, tủ sấy, chổi quét và khay đựng	
5	Thí nghiệm xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011, ASTM D2041 M-19, AASHTO T209	Bình tỷ trọng hoặc Bình hút chân không, Máy hút chân không Thiết bị tạo áp suất chân không, Đồng hồ đo áp suất, Bàn rung, Cân điện tử chính xác đến 0,1g, Bể ổn nhiệt, Nhiệt kế.	
6	Thí nghiệm xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã nén	TCVN 8860-5:2011, ASTM D2726, AASHTO T166, T275, T209	Cân điện tử chính xác đến 0,01g, Bể nước, Giá treo hoặc giỏ lưới, Tủ sấy, Nhiệt kế	
7	Thí nghiệm xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011, ASTM D3203, AASHTO T269	ình tỷ trọng hoặc bình hút chân không, máy hút chân không và bàn rung, Bộ khuôn đúc mẫu và búa đầm Marshall, Cân điện tử Độ chính	

			xác đến 0,01g hoặc 0,1 g.	
8	Thí nghiệm xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011, AASHTO T209, AASHTO T269, ASTM D3203/D3203-22	Cân điện tử chính xác 0,01g, Bình định mức hoặc ống đong, tủ sấy	
9	Thí nghiệm xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011, AASHTO T209	Cân điện tử, Bình tỷ trọng và máy hút chân| không, ống đong, Cân kỹ thuật chính xác 0,01g	
10	Thí nghiệm xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Máy nén Marshall, bể ổn nhiệt	
11	Thiết kế bê tông nhựa	TCVN 8820:2011, TCVN 13567:2022	Máy nén marshall, các thiết bị đi kèm	
12	Thí nghiệm xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011, AASHTO T230, ASTM D2041/D2041M-19	Cận điện tử chính xác đến 0,01 g, bộ đồ gá để cân thủy tĩnh, tủ sấy, khăn ẩm.	
13	Thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ	TCVN 8862:2011	Máy nén	
XIII	**GẠCH ĐẤT SÉT NUNG**			
1	Thí nghiệm xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009; ASTM C67-23	Thước đo có độ chính xác tới 0,1mm	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng
2	Thí nghiệm xác định độ bền nén	TCVN 6355-2:2009; ASTM C67-23	Máy nén thủy lực, Máy cưa để cắt mẫu thử, Máy cưa để cắt mẫu thử, Bay, chảo để	

			trộn vữa xỉ măng	
3	Thí nghiệm xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009; ASTM C67-23	Máy uốn thủy lực	
4	Thí nghiệm xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009; ASTM C67-23	Cân kỹ thuật, độ chính xác 1g, tủ sấy tới 200°C có điều chỉnh nhiệt độ, thùng hoặc bể ngâm mẫu	
5	Thí nghiệm xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009; ASTM C67-23	Cân kỹ thuật, độ chính xác 1g	
6	Thí nghiệm xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009; ASTM C67-23	Cân kỹ thuật, độ chính xác 1g, Thùng có khả năng chứa toàn bộ mẫu	
7	Thí nghiệm kiểm tra vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009; ASTM C67-23	Thước đo có độ chính xác tới 1 mm, Thùng hoặc bể giữ ẩm có nắp đậy để duy trì độ ẩm từ 95% đến 100%, trong thùng có lưới thép để đặt mẫu.	
8	Thí nghiệm kiểm tra sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009; ASTM C67-23	Tủ sấy tới nhiệt độ 200°C, Khay chứa nước	
XIV	**GẠCH BÊ TÔNG**			
1	Gạch bê tông: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, xác định cường độ nén, xác định độ rỗng, xác định độ hút nước, xác định	TCVN 6477:2016	Thước đo, máy nén, tủ sấy, cân kỹ thuật, cát chuẩn, bộ thí nghiệm thấm	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung

	độ thấm nước			Dũng
2	Gạch bê tông tự chèn: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, xác định cường độ nén, xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999 TCVN 6355-2:2009 TCVN 6355-3:2009 TCVN 6065:1995	Thước đo, máy nén, tủ sấy, cân kỹ thuật	
3	Gạch Terazzo: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước, xác định độ hút nước bề mặt, xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013	Thước đo, máy nén uốn, tủ sấy, cân kỹ thuật, máy mài mòn	
4	Gạch, bê tông nhẹ khí chưng áp: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, khối lượng thể tích khô, cường độ nén, độ hút nước, độ co ngót khô	TCVN 7959:2017	Thước đo, máy nén, tủ sấy, cân kỹ thuật	
5	Gạch, bê tông nhẹ khí không chưng áp: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, khối lượng thể tích khô, cường độ nén, độ hút nước	TCVN 9030:2017	Thước đo, máy nén, tủ sấy, cân kỹ thuật	
XV	**VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, LƯỚI ĐỊA KỸ THUẬT, BẤC THẤM VÀ VỎ BỌC BẤC THẤM**			
1	Thí nghiệm xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009 TCVN 5071:2007 (ISO 5084:1996)	Thiết bị đo độ dày, đồng hồ bấm giây	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng
2	Thí nghiệm xác định khối lượng đơn vị diện tích	TCVN 8222: 2009	Cân điện tử	
3	Thí nghiệm xác định sức chọc thủng bằng phương pháp rơi côn	TCVN 8484:2010	Thiết bị chuyên dùng	
4	Thí nghiệm xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485: 2010	Máy kéo nén đa năng	

5	Thí nghiệm xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011	Máy kéo nén đa năng	
6	Thí nghiệm xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011	Máy kéo nén đa năng	
7	Thí nghiệm xác định khả năng chống xuyên (CBR) của vải địa kỹ thuật	TCVN 8871-3:2011	Máy kéo nén đa năng và bộ dụng cụ kháng xuyên	
8	Thí nghiệm xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D624	Máy kéo nén đa năng và bộ dụng cụ kháng xuyên	
9	Thí nghiệm xác định áp lực kháng bục	TCVN 8871-5:2011	Máy thấm vải địa	
10	Thí nghiệm xác định cường độ xé rách chiều cuộn	TCVN 8871-2:2011 ASTM D 4533	Máy kéo nén đa năng	
11	Thí nghiệm xác định độ toàn vẹn mối nối	TCVN 9138:2012	Máy kéo nén đa năng	
XVI	**THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**			
1	Thí nghiệm độ chặt tại hiện trường bằng PP rót cát	22 TCN 346:2006 TCVN 8729:2012 TCVN 8728:2012 AASHTO T191	Bộ phễu rót cát, Cân	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng
2	Thí nghiệm xác định độ chặt tại hiện trường bằng PP dao đai	TCVN 12791:2020; ASTM D2937; AASHTO T204; ASTM D2937-17e	Cân chính xác 1g, dao gạt đất, dao đai, búa, bàn chải lông	
3	Thí nghiệm xác định độ ẩm tại hiện trường	TCVN 8728:2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01g, các hộp nhôm có nắp đậy kín, khay đựng đất, thìa xúc	
4	Thí nghiệm độ nhám mặt đường bằng phương pháp	TCVN 8866: 2011; ASTM E965:96	Bộ dụng cụ rắc cát	Lữ Văn Phong; Đinh Văn

	rắc cát			Nam; Bùi Trung Dũng
5	Thí nghiệm chỉ số CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429:92	Bộ dụng cụ CBR hiện trường, kích	
6	Thí nghiệm mô đun đàn hồi bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép cứng, kích, đồng hồ so, dụng cụ khác	
7	Thí nghiệm mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	Tấm ép cứng, kích, đồng hồ	Lữ Văn Phong; Đinh Văn Nam; Bùi Trung Dũng
8	Thí nghiệm mô đun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2025; ASTM D4695; AASHTO T256	Cần benkelman, kích, đồng hồ	
9	Thí nghiệm độ bằng phẳng mặt đường bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011; ASTM E950, E1082	Thước 3m dụng cụ đi kèm	
10	Thí nghiệm kéo nhổ giữa cốt thép, bu lông với bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C900-06	Kích nhổ 30 tấn	
11	Đo điện trở	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở	Lê Văn Tý
12	Thí nghiệm xuyên (SPT)	TCVN 9351:2022	Bộ búa đóng SPT	Lê Văn Tý, Lữ Văn Phong
13	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396: 2012	Thiết bị siêu âm có đầu dò	Nguyễn Quang Thế, Trần Công Tú,
14	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016 ASTM D4945:08	Máy PDA	
15	Kiểm tra khuyết tật cọc bằng phương pháp động biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012, ASTM D5882:95	Máy thí nghiệm Pít	
16	Thí nghiệm nén tĩnh cọc	TCVN 9393:2012	Kích, đồng hồ so	

	bằng tải trọng tĩnh dọc trục			Lê Văn Tý, Lữ Văn Phong,
17	Thí nghiệm cường độ nén bê tông bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:2012; ASTM C805/C805M18	Súng bật nẩy, các dụng cụ chuyên dùng	
18	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12	Máy siêu âm, súng bật nẩy, các dụng cụ chuyên dùng	

Công ty cổ phần xây dựng Thanh chương chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- **Như kính gửi;**
- **Lưu: Văn thư**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THANH CHƯƠNG

Giám đốc

Nguyễn Quang Thế